

**XÍ NGHIỆP IN BAO BÌ KHATOCO – CHI
NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

AA COMPANY

**CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AA)
WWW.AA.COM.VN**

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Xí nghiệp In Bao bì Khatoco – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Thông tin khái quát

Xí nghiệp In Bao bì Khatoco – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây gọi tắt là “Xí nghiệp”) là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3716000042 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/07/2002 (Giấy chứng nhận này đã được điều chỉnh vào ngày 12/01/2011 với mã số chi nhánh là 4200486169-003). Xí nghiệp là đơn vị hạch toán phụ thuộc, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế tài chính của Tổng Công ty Khánh Việt và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đường Trường Sơn, Khu Bình Tân, Phường Vĩnh Trường, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại: (058) 3 883451
- Fax: (058) 3 882397

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bia;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác (thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2012 là 327 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 64 người.

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

- | | | |
|----------------------------|----------------|----------------------------|
| • Ông Nguyễn Đình Hương | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/08/2008 |
| • Bà Trần Thị Hoài | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2013 |
| | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/04/2006 |
| | | Miễn nhiệm ngày 01/01/2013 |
| • Ông Phạm Nguyễn Nhật Anh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/01/2013 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ tại Đà Nẵng (Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà DANABOOK, 76 -78 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3828283; Fax: (84) 0511.3828281).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Xí nghiệp, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Xí nghiệp tại thời điểm 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Đình Hương

Nha Trang, ngày 22 tháng 04 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Ban Giám đốc Xí nghiệp In Bao bì Khatoco – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 22/04/2013 của Xí nghiệp In Bao bì Khatoco – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây gọi tắt là “Xí nghiệp”) đính kèm từ trang 4 đến trang 18. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Xí nghiệp và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Xí nghiệp. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Xí nghiệp cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Xí nghiệp tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - AA
Chi nhánh Đà Nẵng



Trần Hiến
Phó Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 1400/KTV

Phan Duy Phước
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1447/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
 ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
 có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.397.456.063	122.785.733.210
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		425.722.147	397.155.136
1. Tiền	111	5	425.722.147	397.155.136
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.723.006.584	20.875.565.597
1. Phải thu khách hàng	131		18.836.353.469	20.634.774.408
2. Trả trước cho người bán	132		1.089.046.280	452.970.354
3. Các khoản phải thu khác	135	6	9.786.000	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(212.179.165)	(212.179.165)
IV. Hàng tồn kho	140		81.287.968.147	100.335.042.960
1. Hàng tồn kho	141	8	81.287.968.147	100.335.042.960
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		960.759.185	1.177.969.517
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	692.221.908	903.166.941
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	268.537.277	274.802.576
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70.088.111.243	52.515.848.758
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		70.087.050.637	52.446.966.354
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	70.087.050.637	52.441.309.081
- Nguyên giá	222		186.695.464.718	150.083.898.409
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(116.608.414.081)	(97.642.589.328)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	5.657.273
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.060.606	68.882.404
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.060.606	68.882.404
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		172.485.567.306	175.301.581.968

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		128.157.620.507	130.973.635.169
I. Nợ ngắn hạn	310		126.999.176.174	128.876.851.762
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	420.211.476	-
2. Phải trả người bán	312		20.536.285.021	5.554.084.890
3. Người mua trả tiền trước	313		66.000.000	-
4. Phải trả nội bộ	317		105.165.279.677	122.201.722.772
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	811.400.000	1.121.044.100
II. Nợ dài hạn	330		1.158.444.333	2.096.783.407
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	1.158.444.333	2.096.783.407
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		44.327.946.799	44.327.946.799
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	44.327.946.799	44.327.946.799
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	44.327.946.799	44.327.946.799
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		172.485.567.306	175.301.581.968



Nguyễn Đình Hương

Nha Trang, ngày 22 tháng 04 năm 2013

Kế toán trưởng

Phạm Nguyễn Nhất Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	17	319.825.690.800	292.835.094.543
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	628.031.055	719.755.129
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	17	319.197.659.745	292.115.339.414
4. Giá vốn hàng bán	11	18	308.588.818.175	275.368.563.536
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>10.608.841.570</u>	<u>16.746.775.878</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	83.088.739	88.137.110
7. Chi phí tài chính	22	20	841.198.524	1.296.623.250
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		260.176.609	595.091.456
8. Chi phí bán hàng	24		5.425.402.151	4.502.453.100
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>4.425.329.634</u>	<u>11.035.836.638</u>
11. Thu nhập khác	31	21	6.438.550.942	5.637.006.233
12. Chi phí khác	32	22	187.481.400	218.385.190
13. Lợi nhuận khác	40		<u>6.251.069.542</u>	<u>5.418.621.043</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	<u>10.676.399.176</u>	<u>16.454.457.681</u>



Nguyễn Đình Hương

Nha Trang, ngày 22 tháng 04 năm 2013

Kế toán trưởng

Phạm Nguyễn Nhật Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 03 - DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
 ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
 có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	352.403.594.860	324.167.965.445
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(144.766.306.652)	(155.041.359.154)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.109.504.442)	(25.787.321.150)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(260.176.609)	(595.091.456)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.336.395.687	10.829.838.548
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(157.268.970.800)	(145.355.814.336)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.335.032.044	8.218.217.897
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(46.268.801.366)	(10.368.321.757)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	405.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.463.931	71.182.373
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(45.788.337.435)	(10.297.139.384)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	2.096.783.407
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(518.127.598)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(518.127.598)	2.096.783.407
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	28.567.011	17.861.920
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	397.155.136	379.293.216
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	425.722.147	397.155.136



Nguyễn Đình Hương

Nha Trang, ngày 22 tháng 04 năm 2013

Kế toán trưởng

Phạm Nguyễn Nhật Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Xí nghiệp In Bao bì Khatoco – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây gọi tắt là “Xí nghiệp”) là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3716000042 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/07/2002 (Giấy chứng nhận này đã được điều chỉnh vào ngày 12/01/2011 với mã số chi nhánh là 4200486169-003). Xí nghiệp là đơn vị hạch toán phụ thuộc, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế tài chính của Tổng Công ty Khánh Việt và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác (thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Xí nghiệp áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng giao dịch công bố tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Xí nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Xí nghiệp thực hiện khấu hao nhanh đối với một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc thiết bị	2,5 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5 - 5

4.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.8 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Xí nghiệp được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.9 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Xí nghiệp đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với dịch vụ in, buôn bán đồ dùng cho gia đình...
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Xí nghiệp không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp, toàn bộ lợi nhuận trước thuế được chuyển về Tổng Công ty Khánh Việt để kê khai và quyết toán theo quy định hiện hành
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.10 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	29.835.450	62.311.721
Tiền gửi ngân hàng	395.886.697	334.843.415
Cộng	425.722.147	397.155.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Phải thu khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Khánh Hòa	9.786.000	-
Cộng	9.786.000	-

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	212.179.165	212.179.165
Cộng	212.179.165	212.179.165

8. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	65.153.703.296	84.533.531.728
Công cụ, dụng cụ	-	1.150.000
Chi phí SX, KD dở dang	5.178.172.363	4.633.306.260
Thành phẩm	10.956.092.488	11.151.149.671
Hàng hóa	-	15.905.301
Cộng	81.287.968.147	100.335.042.960

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Bảo hiểm hỏa hoạn và rủi ro tai nạn	54.233.616	41.847.318
Chi phí sửa chữa	38.722.068	41.126.670
Chi phí lắp đặt di dời máy in	-	316.666.666
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	235.094.406	503.526.287
Chi phí bảo hộ lao động	328.826.364	-
Chi phí thuê kho	35.345.454	-
Cộng	692.221.908	903.166.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	268.537.277	274.802.576
Cộng	268.537.277	274.802.576

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	12.905.482.205	128.923.077.556	7.166.362.986	1.088.975.662	-	150.083.898.409
Tăng trong năm	6.033.061.231	39.040.831.044	886.125.000	208.784.091	100.000.000	46.268.801.366
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-	-
- Mua sắm trong năm	-	39.040.831.044	886.125.000	208.784.091	100.000.000	40.235.740.135
- Đ/tư XDCB h/thành	6.033.061.231	-	-	-	-	6.033.061.231
Giảm trong năm	-	9.657.235.057	-	-	-	9.657.235.057
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	9.657.235.057	-	-	-	9.657.235.057
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	18.938.543.436	158.306.673.543	8.052.487.986	1.297.759.753	100.000.000	186.695.464.718
Khấu hao						
Số đầu năm	11.878.976.632	82.287.165.113	2.707.452.923	768.994.660	-	97.642.589.328
Khấu hao trong năm	299.264.490	25.596.898.578	2.366.283.580	300.039.090	10.740.741	28.573.226.479
Giảm trong năm	-	9.607.401.726	-	-	-	9.607.401.726
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	9.607.401.726	-	-	-	9.607.401.726
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	12.178.241.122	98.276.661.965	5.073.736.503	1.069.033.750	10.740.741	116.608.414.081
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.026.505.573	46.635.912.443	4.458.910.063	319.981.002	-	52.441.309.081
Số cuối năm	6.760.302.314	60.030.011.578	2.978.751.483	228.726.003	89.259.259	70.087.050.637

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 57.328.047.965 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	46.887.722
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.060.606	21.994.682
Cộng	1.060.606	68.882.404

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	420.211.476	-
Cộng	420.211.476	-

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập cá nhân thu hộ Tổng Công ty	811.400.000	1.121.044.100
Cộng	811.400.000	1.121.044.100

15. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	1.158.444.333	2.096.783.407
- Công đoàn Xí nghiệp In bao bì Khatoco	1.158.444.333	2.096.783.407
Cộng	1.158.444.333	2.096.783.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2011	44.340.165.152	-	-	-	44.340.165.152
Tăng trong năm	-	60.226.629	(4.593.021)	16.454.457.681	16.510.091.289
Giảm trong năm	12.218.353	60.226.629	(4.593.021)	16.454.457.681	16.522.309.642
Số dư tại 31/12/2011	<u>44.327.946.799</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>44.327.946.799</u>
Số dư tại 01/01/2012	44.327.946.799	-	-	-	44.327.946.799
Tăng trong năm	-	-	-	10.676.399.176	10.676.399.176
Giảm trong năm	-	-	-	10.676.399.176	10.676.399.176
Số dư tại 31/12/2012	<u>44.327.946.799</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>44.327.946.799</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vốn của Tổng Công ty Khánh Việt	44.327.946.799	44.327.946.799
Cộng	<u>44.327.946.799</u>	<u>44.327.946.799</u>

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	-	-
Lợi nhuận trước sau Thu nhập doanh nghiệp trong năm	10.676.399.176	16.454.457.681
<i>Chuyển lợi nhuận về Tổng Công ty</i>	10.676.399.176	16.454.457.681
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu	319.825.690.800	292.835.094.543
- Doanh thu bán hàng	319.776.072.000	292.153.554.543
Trong đó: Doanh thu bán hàng nội bộ	118.339.952.236	124.367.973.251
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.618.800	681.540.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	628.031.055	719.755.129
- Giảm giá hàng bán	1.466.160	8.094.800
- Hàng bán bị trả lại	626.564.895	711.660.329
Cộng	319.197.659.745	292.115.339.414

18. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	308.588.818.175	274.833.227.950
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	535.335.586
Cộng	308.588.818.175	275.368.563.536

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	75.463.931	71.182.373
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.624.808	16.954.737
Cộng	83.088.739	88.137.110

20. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	260.176.609	595.091.456
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	581.021.915	701.531.794
Cộng	841.198.524	1.296.623.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	405.000.000	-
Thu nhập từ bán phế liệu	5.390.663.129	5.426.467.227
Thu nhập từ tiền bồi thường	478.297.937	81.116.243
Hoàn thuế nhập khẩu	30.676.624	-
Thu nhập khác	133.913.252	129.422.763
Cộng	6.438.550.942	5.637.006.233

22. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	49.833.331	-
Xuất xử lý hàng hỏng	-	-
Xuất bán vật tư, thành phẩm	132.402.614	218.385.190
Chi phí khác	5.245.455	-
Cộng	187.481.400	218.385.190

23. Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.676.399.176	16.454.457.681
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm</i>	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	10.676.399.176	16.454.457.681

24. Các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Khánh Việt	Đơn vị cấp trên
Câu lạc bộ bóng đá Khatoco	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt
Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt
Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt
Công viên du lịch Yang Bay	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt
Khu du lịch Bảo Đại	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt
Nhà máy thức ăn chăn nuôi Khánh Hòa	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt
Nhà máy Thuốc lá Khánh Hòa	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chi nhánh Gia Lai
Trung tâm Giống Đà điều Ninh Hòa
Trung tâm Giống Đà điều Quảng Nam
Xí nghiệp May Khatoco
Công ty Phát triển Hạ tầng Khatoco
Công ty TNHH Thương mại Khatoco
Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến
Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú
Công ty Cổ phần Đông Á

Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt
Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt
Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt
Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt
Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt
Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt
Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt
Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt
Công ty liên kết của Tổng Công ty Khánh Việt

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Mua hàng	3.895.724.632	3.373.546.238
Công ty Phát triển Hạ tầng Khatoco	705.497.940	403.170.860
Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	31.898.182	59.866.815
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	299.383.638	382.641.927
Công ty Cổ phần Đông Á	2.850.509.600	2.514.181.000
Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú	8.435.272	13.685.636
Bán hàng	119.129.546.706	124.367.973.251
Tổng Công ty Khánh Việt	141.777.880	156.865.000
Câu lạc bộ Bóng đá Khatoco	17.885.000	7.110.000
Chi nhánh Gia Lai	4.650.000	2.350.000
Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	31.084.000	6.796.600
Khu du lịch Bảo Đại	24.300.000	3.150.000
Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	231.002.250	139.956.830
Công viên du lịch Yang Bay	43.694.543	46.052.000
Nhà máy Thức ăn chăn nuôi Khánh Hòa	98.878.500	95.065.120
Nhà máy Thuốc lá Khánh Hòa	117.689.015.047	122.734.837.326
Trung tâm Giống Đà điều Ninh Hòa	31.810.016	80.375.440
Trung tâm Giống Đà điều Quảng Nam	14.200.000	14.400.000
Xí nghiệp May Khatoco	11.655.000	6.302.145
Công ty Cổ phần Đông Á	-	16.250.000
Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú	61.539.000	56.247.500
Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến	5.250.000	-
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	722.805.470	1.002.215.290

c. Số dư với các bên liên quan

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nợ phải thu		
Công ty Cổ phần Đông Á	-	880.000
Nợ phải trả		
Công ty Cổ phần Đông Á	287.232.300	253.089.490
Tổng Công ty Khánh Việt	105.165.279.677	122.201.722.772

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	241.405.003.977	241.508.850.088
Chi phí công cụ dụng cụ	310.034.047	888.331.555
Chi phí tiền lương	27.137.000.000	26.277.000.000
KPCĐ, BHXH, BHYT, DP MVL	2.098.423.504	1.135.167.076
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.573.226.479	12.137.071.152
Chi phí khác bằng tiền	16.516.247.414	8.796.155.804
Cộng	316.039.935.421	290.742.575.675

26. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

27. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.



Nguyễn Đình Hương

Nha Trang, ngày 22 tháng 04 năm 2013

Kế toán trưởng

Phạm Nguyễn Nhật Anh